

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2017/DS-PT
Ngày: 28-9-2017
V/v: “Tranh chấp về bồi thường
thiệt hại ngoài hợp đồng do danh dự,
nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cà Văn Păng

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thu Hằng

Bà Lò Thị Xuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc Loan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên: Bà Lò Thị Nga - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2017/TLPT-DS ngày 07 tháng 9 năm 2017 về “Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 16/2017/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 26/2017/QĐ-PT ngày 14 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn V - Sinh năm:1950; Địa chỉ: xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn V: Bà Lê Thị D - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T - Sinh năm: 1941; Địa chỉ: Xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn T: Bà Nguyễn Thị Kim N; Địa chỉ: Xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (theo Giấy ủy quyền lập ngày 02 tháng 02 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Văn T: Ông Nguyễn Quang K - Luật sư Văn phòng Luật sư A, Đoàn Luật sư tỉnh Điện Biên.

3. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn V - là bị đơn trong vụ án.

(Ông Nguyễn Văn V; bà Nguyễn Thị Kim N có mặt tại phiên tòa; ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Quang K có mặt từ khi khai mạc phiên tòa đến khi kết thúc phần tranh luận sáng ngày 28/9/2017 và xin vắng mặt khi Hội đồng xét xử tuyên án; bà Lê Thị D vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 27/9/2017).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/01/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn V trình bày:*

Ngày 31 tháng 5 năm 2013, ông Nguyễn Văn T có gửi đơn đến các cơ quan gồm: Ủy ban nhân dân (UBND) xã P, huyện Đ; Tòa án nhân dân (TAND) huyện Đ; Phòng Tài nguyên và Môi Trường (TNMT) huyện Đ, UBND huyện Đ kiện gia đình ông V lấn chiếm đất của ông T nhưng qua kết quả giải quyết thì các cơ quan TAND huyện Đ, Phòng TNMT huyện Đ và UBND huyện Đ đều có văn bản trả lời là không có sự lấn chiếm đất ngoài thực địa.

Ông V khẳng định thửa đất giáp với đất ông T không thuộc quyền sử dụng của ông vì ông đã cho con trai ông là anh Nguyễn Văn N. Việc ông T phát tán và khiếu kiện nhiều nơi cho rằng ông V lấn chiếm đất của ông T đã làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự, nhân phẩm và kinh tế của ông V nên ông V khởi kiện yêu cầu TAND huyện Đ giải quyết:

- Buộc ông T phải bồi thường danh dự, nhân phẩm cho ông bằng hình thức xin lỗi bằng văn bản gửi tới 10 thôn trong xã P.

- Buộc ông T phải bồi thường số tiền công mà ông đã tham gia giải quyết vụ việc tranh chấp đất tại các cơ quan mà ông T đã kiện, cụ thể như sau: Hợp Chi bộ giải quyết sự việc tại nhà ông Bí thư xã: 1/2 ngày công; Viết đơn gửi Chi bộ 8: 01 ngày công; Viết, gửi đơn đề nghị 05 lần đến Đảng ủy xã P: 05 ngày công; Hợp giải quyết tại hội trường xã P 02 lần: 02 ngày công; 03 lần phản ánh tình hình sự việc với Bí Thư Đảng ủy xã và 01 lần với Thường vụ xã: 02 ngày công; 03 lần

viết đơn đến TAND huyện Đ: 03 ngày công; 03 lần đến TAND huyện Đ để phản ánh tình hình: 03 ngày công; 03 lần gửi đơn đến Ủy ban kiểm tra Đảng: 1,5 ngày công; Gửi đơn đến Hội cựu chiến binh huyện Đ và Mặt trận Tổ quốc huyện Đ: 02 ngày công; Gửi đơn đến Tỉnh ủy Điện Biên: 1,5 ngày công; Gửi đơn đến Ủy ban kiểm tra Đảng Tỉnh ủy Điện Biên: 02 ngày công; Chi xăng dầu, photocopy, công điều tra... Tổng số: 25,5 ngày công x 150.000 đồng + 1.000.000 đồng = 4.825.000 đồng (Bốn triệu tám trăm hai mươi năm nghìn đồng).

** Tại văn bản trả lời ngày 03/02/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Kim N - người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và bị đơn Nguyễn Văn T trình bày:*

Vào tháng 02 năm 2013, khi ông T xây dựng nhà ở giáp với thửa đất của gia đình ông V thì ông V đã cản trở không cho ông xây dựng và cho rằng ông T lấn chiếm đất của gia đình ông V. Sau khi xảy ra tranh chấp, ông T đã đến UBND xã S (nay là xã P) đề nghị được xem bản đồ địa chính xã. Khi xem xong thì ông T thấy trên bản đồ thể hiện thửa đất của mình có chiều dài giáp đường liên thôn là 31m, nhưng khi đo lại thực tế chỉ còn 26,6m; thiếu 4,4 m so với sơ đồ. Còn thửa đất ông V, có chiều giáp đường liên thôn có trong bản đồ là 26m nhưng thực tế chiều giáp đường liên thôn phần đất của ông V là 30m, thừa so với bản đồ địa chính là 4m.

Tại biên bản bàn giao đất giữa ông V với chủ đất cũ (ông Nguyễn Bảo M) ngày 13/11/1992 chỉ có chữ ký của các hộ liền kề nhưng không có diện tích cụ thể. Khi cơ quan chuyên môn đến đo thực trạng sử dụng diện tích đất của hai bên thì ông V không cho đo nên không biết thửa đất của ông V thừa hay thiếu.

Vì vậy, ông T mới có đơn đề nghị các cơ quan chuyên môn có thẩm quyền xem xét cụ thể. Việc ông V không hợp tác để các cơ quan chuyên môn kiểm tra hiện trạng thực tế thửa đất của ông V và việc ông T thiếu đất so với chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) là có thật. Ông T có quyền đề nghị các cơ quan có thẩm quyền giải quyết là đúng quy định của pháp luật, không phải bịa đặt, vu khống cho ông V, đây là quyền của công dân được pháp luật bảo vệ. Ông T xây nhà là hoàn toàn trên đất của mình và đã được cơ quan có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ và làm đầy đủ nghĩa vụ đóng thuế với nhà nước. Do đó, ông T và người đại diện theo ủy quyền của ông không nhất trí với các yêu cầu khởi kiện của ông V.

** Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Quang K - người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:*

Ông nhất trí với quan điểm của bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày. Khi ông T xây dựng nhà và khi xây đến phần công trình phụ thì

ông V đã sang yêu cầu ông T dừng lại việc thi công, vì ông V cho rằng ông T đã xây lấn sang phần đất của gia đình ông V. Sau đó, ông T đến UBND xã S để sao chụp lại sơ đồ thửa đất của mình và đo lại thấy diện tích thực tế thiếu 104m² so với diện tích đất được cấp trong GCNQSDĐ, còn diện tích đất của gia đình ông V thừa so với bản đồ. Do đó, ông T đã làm đơn đề nghị UBND xã S xem xét lại diện tích đất của gia đình ông và đã được UBND xã hòa giải nhưng không thành, UBND xã S đã hướng dẫn cho ông Thanh làm đơn đến TAND huyện Đ để giải quyết. Khi xảy ra tranh chấp và trong quá trình giải quyết tại các cơ quan có thẩm quyền, ông V là người trực tiếp tham gia nên ông T chỉ biết đất liền kề là của gia đình ông V còn việc ông đã chuyển nhượng thửa đất cho con trai ông là anh Nguyễn Văn N hay chưa thì ông T không biết. Như vậy, việc ông T làm đơn đề nghị các cơ quan có thẩm quyền giải quyết là nhằm mục đích bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T, không phải vu khống làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của ông V nên người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không nhất trí yêu cầu khởi kiện của ông V.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 16/2017/DS-ST ngày 11/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã quyết định như sau:

Áp dụng các điều 604, 611 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V, về việc buộc ông Nguyễn Văn T phải bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm, cụ thể:

- Không chấp nhận yêu cầu của ông V về việc buộc ông T phải công khai xin lỗi đối với ông V đến 10 thôn trong xã P, huyện Đ.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông V về việc buộc ông T phải bồi thường số tiền 4.825.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 21 tháng 8 năm 2017, Tòa án nhân dân huyện Đ đã nhận được đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn V với nội dung: Ông V không nhất trí với bản án sơ thẩm số 16/2017/DS-ST ngày 11/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ bởi các lý do sau đây:

- Thửa đất số 501, tờ bản đồ 49a đã được cơ quan có thẩm quyền cấp cho người khác là anh Nguyễn Văn N (con trai ông V) từ năm 1997.

- Vào tháng 4 năm 2013 ông T làm đơn khởi kiện ông V là người có đất liền kề đã lấn chiếm đất ông T 4m giáp đường dân sinh. Ngày 13/02/2015,

TAND huyện Đ đã xác minh tại hiện trường và kết luận mốc giới hai bên vẫn ổn định từ năm 1992, đến nay hai bên đều sử dụng trong mốc giới của mình. Ngày 28/5/2015, Phòng TNMT huyện Đ đã điều tra và khẳng định không có sự lấn chiếm đất. Ngày 26/6/2015, Chủ tịch UBND huyện Đ đã kết luận là không có sự lấn chiếm đất ngoài thực địa. Như vậy, cả 3 cơ quan trên đều khẳng định không có sự lấn chiếm đất nhưng đơn của ông T viết cố tình bịa đặt để làm tổn thất về chính trị, kinh tế, sức khỏe của ông. Đơn khởi kiện của ông không được TAND huyện Đ chấp nhận, nay ông đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn V vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng cáo của mình.

Tại bản luận cứ bảo vệ, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày quan điểm: Việc ông V cho rằng danh dự, nhân phẩm của mình bị xâm phạm và yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 4 BLTTDS. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông V yêu cầu là yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm, yêu cầu này pháp luật đã có quy định chi tiết tại các điều 584, 585, 586, 592 của BLDS năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử đối chiếu với các quy định của pháp luật trên cơ sở bảo vệ bảo vệ tính đúng đắn của pháp luật và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông V.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn T, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn giữ nguyên quan điểm đã trình bày ở cấp sơ thẩm, không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông V và nội dung yêu cầu khởi kiện của ông V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên phát biểu ý kiến tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về việc chấp hành pháp luật: Những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện, nội dung yêu cầu kháng cáo của ông V về việc yêu cầu Tòa án buộc ông T phải bồi thường danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm cho ông V bằng hình thức xin lỗi bằng văn bản gửi tới 10 thôn trong xã P và yêu cầu ông T phải bồi thường số tiền 4.825.000 đồng tiền ngày công ông V nghỉ việc để tham gia giải quyết việc tranh chấp đất tại các cơ quan mà ông T gửi đơn đề nghị giải quyết là không có căn cứ chấp nhận. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử

căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: Giữ nguyên bản án dân sự số 16/2017/DS-ST ngày 11/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn V làm trong hạn luật định, như vậy là hợp lệ để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo nội dung đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn V yêu cầu TAND huyện Đ giải quyết buộc ông Nguyễn Văn T phải bồi thường danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm. Việc yêu cầu bồi thường danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm phát sinh từ tháng 5/2013, do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng” theo quy định tại chương XXI của BLDS năm 2005 và căn cứ vào khoản 6, điều 26; điểm a khoản 1 điều 35 BLTTDS để thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Đối với nội dung kháng cáo của ông V cho rằng thửa đất số 501, tờ bản đồ 49a đã được cơ quan có thẩm quyền cấp cho người khác là anh Nguyễn Văn N (con trai ông V) từ năm 1997, việc giải quyết tranh chấp đất của ông T không liên quan đến ông V; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông V cho rằng thửa đất số 501, tờ bản đồ 49a đã được cơ quan có thẩm quyền cấp cho anh Nguyễn Văn N (con trai ông V) từ năm 1997 nhưng trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án 2 cấp tỉnh Điện Biên và tại phiên tòa phúc thẩm, ông V không xuất trình được các tài liệu, chứng cứ nào chứng minh thửa đất số 501, tờ bản đồ 49a là thửa đất mà ông V đã chuyển nhượng cho anh Nguyễn Văn N từ năm 1997.

Theo biên bản bàn giao đất ngày 13/11/1992 giữa ông Nguyễn Văn V là người mua đất với ông Nguyễn Bảo M - người bán đất (bút lục số 171), trong biên bản có ghi thửa đất ông V mua của ông M có tứ cận: ... “*Phía đông tiếp giáp đất ông Nguyễn Văn T*”... và biên bản có chữ ký của ông Nguyễn Văn V và chữ ký của các hộ liền kề trong đó có chữ ký của ông Nguyễn Văn T. Đến tháng 2 năm 2013 khi ông T xây nhà tại thửa đất liền kề với thửa đất ông V nhận

chuyển nhượng từ ông Nguyễn Bảo M theo biên bản bàn giao đất nêu trên thì ông V là người trực tiếp đến cản trở không cho gia đình ông T tiếp tục xây nhà vì ông V cho rằng ông T lấn chiếm đất ông V.

Như vậy, xét thấy việc ông V cho rằng ông không có quyền gì đối với thửa đất giáp ranh với thửa đất của ông T mà hai bên đang xảy ra tranh chấp là không có căn cứ.

[3.2] Đối với việc ông Nguyễn Văn T làm đơn đề nghị đến các cơ quan chức năng có thẩm quyền xem xét lại diện tích đất của gia đình ông bị thiếu so với bản đồ địa chính sau việc xảy ra tranh chấp đất giữa ông T và ông V; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Thửa đất của gia đình ông T đã được UBND huyện Đ cấp GCNQSD số 00339/QSDĐ/02 ngày 24/11/1997, diện tích 3.191m².

Tại biên bản xác minh ngày 12/5/2017 của TAND huyện Đ với ông Nguyễn Xuân B - xã P, huyện Điện Biên (BL số 56, 57) và biên bản xác minh ngày 12/5/2017 của TAND huyện Đ với bà Hà Thị H - xã P, huyện Đ (BL số 58) đều xác định: Từ năm 2013 khi ông T làm nhà đã xảy ra tranh chấp đất giữa gia đình ông T và gia đình ông V nên ông T có làm đơn xin hỏi địa chính xã đề nghị cán bộ địa chính xã xuống đo đạc lại diện tích đất nhà ông T, sau đó ông T thấy diện tích đất của gia đình ông thiếu so với GCNQSDĐ được cấp, còn diện tích đất thực tế của ông V lại thừa so với bản đồ. Ông T nghĩ rằng diện tích đất ông thiếu là do ông V lấn chiếm, do đó ông T đã làm đơn hỏi nhiều nơi đề nghị làm rõ diện tích đất của ông hiện tại là bao nhiêu để đảm bảo quyền lợi cho ông.

Như vậy, xác định nguyên nhân xảy ra tranh chấp đất giữa gia đình ông T với gia đình ông V dẫn đến việc ông T làm đơn đề nghị đến các cơ quan chức năng có thẩm quyền xem xét giải quyết việc tranh chấp đất là do vào năm 2013 ông V ngăn cản gia đình ông T khi ông T xây nhà vì ông V cho rằng ông T lấn chiếm đất ông V. Do đó, xét thấy việc ông T làm đơn đề nghị đến các cơ quan chức năng có thẩm quyền xem xét giải quyết tranh chấp là đúng quy định của pháp luật.

Theo quy định tại Khoản 5, 6 điều 105 Luật Đất đai năm 2003 quy định về quyền chung của người sử dụng đất:

“5. Được nhà nước bảo hộ khi bị người khác xâm phạm đến quyền sử dụng đất hợp pháp của mình.

6. Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện về những hành vi vi phạm quyền sử dụng đất hợp pháp của mình và những hành vi khác vi phạm pháp luật đất đai”.

Theo quy định tại điều 135 Luật Đất đai năm 2003 quy định về việc hòa giải tranh chấp đất đai:

“1. Nhà nước khuyến khích các bên tranh chấp đất đai tự hòa giải hoặc giải quyết tranh chấp đất đai thông qua hòa giải ở cơ sở.

2. Tranh chấp đất đai mà các bên tranh chấp không hòa giải được thì gửi đơn đến Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có đất tranh chấp.

Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức xã hội khác để hòa giải tranh chấp đất đai...”.

Theo Điều 161 BLTTDS năm 2004 (Sửa đổi, bổ sung năm 2011) quy định quyền khởi kiện vụ án: *“Cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp khởi kiện vụ án tại Tòa án có thẩm quyền để yêu cầu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình”.*

Từ các quy định của pháp luật nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc ông T làm đơn đề nghị đến các cơ quan chức năng có thẩm quyền xem xét giải quyết tranh chấp đất giữa gia đình ông T với gia đình ông V là trong khuôn khổ pháp luật quy định. Ngoài việc ông T làm đơn đến các cơ quan chức năng có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai như trong các tài liệu, chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án thì ông V không cung cấp được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh rằng ông T đã phát tán các tài liệu, thông tin đến các cơ quan thông tin đại chúng và những nơi khác để vu khống, bịa đặt làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự, nhân phẩm của ông V. Do đó, việc Tòa án nhân dân huyện Đ không chấp nhận yêu cầu của ông V về việc buộc ông Nguyễn Văn T phải công khai xin lỗi bằng văn bản đối với ông V đến 10 thôn trong xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên là có căn cứ.

[3.3] Việc ông V yêu cầu ông T phải bồi thường số tiền 4.825.000 đồng tiền ngày công ông V nghỉ việc để tham gia việc giải quyết tranh chấp đất tại Tòa án và các cơ quan chức năng có thẩm quyền, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo quy định của pháp luật, sự có mặt của ông V và ông T trước các cơ quan chức năng có thẩm quyền khi giải quyết tranh chấp đất là cần thiết, vừa là quyền lợi vừa là nghĩa vụ của cả hai bên nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các bên về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất. Do đó, xét thấy Tòa cấp sơ thẩm không chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của ông V về việc yêu cầu ông T phải bồi thường số tiền này cho ông V là có căn cứ pháp luật, nên xét thấy nội dung kháng cáo của ông V không có căn cứ chấp nhận.

[4] Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, xét thấy ý kiến của phía bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của ông V, cũng như ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa cho rằng nội dung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của ông V không có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Văn V được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 604, 611 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn V.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm 16/2017/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V về việc buộc ông Nguyễn Văn T bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm; cụ thể:

- Không chấp nhận yêu cầu của ông V về việc buộc ông T phải công khai xin lỗi đối với ông V đến 10 thôn trong xã P, huyện Điện Biên.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông V về việc buộc ông T phải bồi thường số tiền 4.825.000 đồng.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn V được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 28/9/2017)/.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND H. Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự; LS;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cà Văn Pâng